

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**  
**Hướng dẫn quản lý tài chính**  
**Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020**

*Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Thực hiện Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn quản lý tài chính Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Thông tư này hướng dẫn quản lý tài chính Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) theo các nội dung, nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, không bao gồm các nhiệm vụ được xét tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay từ các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ trong Chương trình và các cơ quan quản lý Chương trình.

## **Điều 2. Kinh phí thực hiện Chương trình**

Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn:

1. Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;
2. Kinh phí từ ngân sách nhà nước;
3. Kinh phí từ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp:
  - a) Vốn hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp;
  - b) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;
  - c) Kinh phí đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.
4. Vốn tín dụng từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại và các tổ chức tín dụng.
5. Kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác.

## **Điều 3. Nguyên tắc huy động các nguồn kinh phí**

1. Các nhiệm vụ thuộc Chương trình cần có phương án huy động các nguồn kinh phí, trong đó nêu đầy đủ nhu cầu theo từng nguồn kinh phí nêu tại Điều 2 của Thông tư này và thuyết minh rõ khả năng huy động kinh phí để thực hiện dự án.

2. Phương án huy động các nguồn kinh phí phải đảm bảo tính khả thi:

- a) Các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cần có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về nguồn kinh phí đó.
- b) Các nguồn kinh phí ngoài ngân sách phải được các tổ chức tài chính, tín dụng xác nhận.

## **Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí có nguồn gốc ngân sách nhà nước**

1. Ưu tiên và tập trung bố trí đủ kinh phí hỗ trợ từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với phần kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước được lập kế hoạch theo loại nguồn vốn và phân kỳ đầu tư cho cả giai đoạn thực hiện; được phân bổ và sử dụng theo tiến độ và cơ cấu trong dự toán của nhiệm vụ đã được phê duyệt. Quy trình lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, theo quy định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan.

3. Đối với phần kinh phí hỗ trợ từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia đảm bảo phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí hỗ trợ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình phải đảm bảo đúng mục

đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan.

### **Điều 5. Nguyên tắc sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước**

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Chương trình có trách nhiệm sử dụng và giải ngân kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo phương án huy động các nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 6. Nội dung và định mức hỗ trợ, tài trợ cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình**

1. Đối với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc dự án xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia; xây dựng lộ trình công nghệ và lộ trình đổi mới công nghệ cho các ngành, lĩnh vực; xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, chuyên gia công nghệ, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và định mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đối với nhiệm vụ đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí cho hoạt động tổ chức đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các đơn vị và tổ chức công lập, tối đa không quá 50% tổng kinh phí cho hoạt động đào tạo đối với các doanh nghiệp, đơn vị và tổ chức ngoài nhà nước. Nội dung và mức chi thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước và Thông tư số 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2011 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Ngoài các nội dung quy định nêu trên, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí đi lại, tiền ở, sinh hoạt phí cho chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý doanh nghiệp. Nội dung chi áp dụng theo đối tượng khách hạng C theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước.

Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm về việc lựa chọn chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý.

3. Đối với nhiệm vụ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ; tạo môi trường cho ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ; xây dựng các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, nhóm nghiên cứu tiềm năng hoặc có kết quả nghiên cứu xuất sắc tại các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu được thực hiện theo Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

4. Đối với nhiệm vụ hỗ trợ đầu tư sản xuất sản phẩm theo công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; đổi mới công nghệ cho ngành nghề, làng nghề truyền thống, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp.

a) Hỗ trợ tối đa 50% tổng mức kinh phí đầu tư (không bao gồm giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư) thực hiện hoạt động sản xuất thử nghiệm. Đối với các dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ được hỗ trợ tối đa đến 70% tổng mức kinh phí đầu tư toàn bộ dự án. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và quy định của Thông tư này.

b) Hỗ trợ tối đa 50% công lao động cho cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện nội dung đánh giá, định giá công nghệ; nghiên cứu, đổi mới, hoàn thiện các quy trình công nghệ, giải pháp khoa học và công nghệ; thử nghiệm, phân tích, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đến khi hoàn thành sản phẩm lô số không.

c) Hỗ trợ tối đa 30% kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị đo kiểm, phân tích trong quá trình thử nghiệm và sản xuất sản phẩm lô số không của dây chuyền công nghệ. Riêng đối với các nhiệm vụ trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, áp dụng mức hỗ trợ tối đa đến 50%.

d) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí cho các hoạt động chuyển giao công nghệ trong các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định tại Điều 7, Điều 12 và Điều 18 của Luật Chuyển giao công nghệ. Mức hỗ trợ được thực hiện theo văn bản hướng dẫn quản lý chế độ quản lý tài chính của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

đ) Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và nội dung nêu tại điểm a, b, c và d khoản 4 này ưu tiên, tập trung bố trí từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

5. Đối với nhiệm vụ nghiên cứu, làm chủ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia; tìm kiếm, phát hiện, làm chủ và ứng dụng công nghệ nguồn, công nghệ cốt lõi; nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ tiên tiến, sản xuất sản phẩm mới, thay đổi quy trình công nghệ.

a) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí để thực hiện đề tài nghiên cứu làm chủ, phát triển và tạo ra công nghệ bao gồm: nghiên cứu thích nghi, làm chủ công nghệ nhập khẩu, công nghệ được chuyển giao, hoàn thiện công nghệ, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, tạo ra công nghệ mới; các hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường.

b) Hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nội dung sau:

- Mua quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, tài liệu kỹ thuật, thông tin sở hữu trí tuệ; mua phần mềm phục vụ nghiên cứu, thiết kế, mô phỏng; nhập khẩu công nghệ, máy móc thiết bị, sản phẩm mẫu để nghiên cứu, làm chủ, phát triển và tạo ra công nghệ theo hợp đồng đã ký kết; được hỗ trợ chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều này.

- Tìm kiếm thông tin về công nghệ, bí quyết công nghệ; thuê chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài để phân tích, đánh giá, định giá công nghệ và tham gia thực hiện nhiệm vụ;

c) Kinh phí hỗ trợ thực hiện được ưu tiên, tập trung bố trí từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

6. Đối với các dự án xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm hạ tầng; dự án đầu tư tăng cường tiềm lực cho các Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tại địa phương.

a) Đối với các dự án xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm hạ tầng được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về lập, xây dựng, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư phát triển trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

b) Đối với các dự án đầu tư tăng cường tiềm lực cho các Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực của trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

## **Điều 7. Nội dung chi ngân sách nhà nước cho hoạt động chung của Chương trình**

1. Chi hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây viết tắt là Ban chỉ đạo):

a) Chi tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban chỉ đạo;

b) Chi tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình;

c) Chi thù lao trách nhiệm của Ban chỉ đạo;

d) Các khoản chi khác của Ban chỉ đạo.

2. Chi cho hoạt động của Ban chủ nhiệm Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây viết tắt là Ban chủ nhiệm):

a) Chi tiền công theo tháng đối với các thành viên Ban chủ nhiệm;

b) Chi thông tin liên lạc, văn phòng phẩm;

c) Chi thuê phương tiện phục vụ công tác, công tác phí;

d) Chi tổ chức các hội đồng khoa học và công nghệ;

đ) Chi tổ chức xác định nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện; kiểm tra, kiểm toán, giám sát, đánh giá nghiệm thu, thanh lý nhiệm vụ; tìm kiếm, phát hiện các tổ chức, cá nhân, nhóm nghiên cứu tiềm năng hoặc có kết quả nghiên cứu xuất sắc tại các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu;

e) Chi đoàn ra, đoàn vào;

g) Chi hoạt động thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo khoa học, sơ kết và tổng kết Chương trình;

h) Các khoản chi khác của Ban chủ nhiệm.

3. Chi cho hoạt động của Văn phòng các Chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Văn phòng Chương trình quốc gia):

a) Tiền lương, tiền công và các khoản chi theo lương của cán bộ, nhân viên Văn phòng Chương trình quốc gia;

b) Các khoản chi thực hiện nhiệm vụ chung của Chương trình;

c) Chi tổ chức xác định nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện; kiểm tra, kiểm toán, giám sát, đánh giá nghiệm thu, thanh lý nhiệm vụ;

d) Chi công tác phí, hội nghị, hội thảo khoa học, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình, biên soạn và in ấn sách chuyên khảo, kết quả của Chương trình;

đ) Chi thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Chương trình;

e) Chi tiền nhà, điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm cho hoạt động của Văn phòng Chương trình quốc gia;

g) Chi xăng xe, thuê phương tiện;

h) Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị;

i) Chi đoàn ra, đoàn vào;

k) Các khoản chi khác.

4. Kinh phí thực hiện các hoạt động chung nêu trên của Chương trình được giao về Văn phòng Chương trình quốc gia trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Mức chi ngân sách nhà nước cho hoạt động chung của Chương trình**

1. Mức chi thù lao trách nhiệm của thành viên Ban chỉ đạo:

a) Trưởng Ban chỉ đạo: 500.000 đồng/người/tháng;

b) Thành viên Ban chỉ đạo: 400.000 đồng/người/tháng.

2. Mức chi tiền công theo tháng của thành viên Ban chủ nhiệm:

a) Chủ nhiệm: 5.000.000 đồng/tháng;

b) Phó chủ nhiệm, Ủy viên thư ký: 4.500.000 đồng/tháng;

c) Ủy viên: 4.000.000 đồng/tháng.

3. Các nội dung chi còn lại quy định tại Điều 7 của Thông tư này được vận dụng theo các quy định pháp luật hiện hành về chế độ chi tiêu ngân sách nhà nước.

#### **Điều 9. Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình**

Việc lập dự toán, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn kinh phí khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước đối với Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn hiện hành và hướng dẫn cụ thể sau:

1. Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, các đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ của Chương trình; căn cứ vào các nhiệm vụ thuộc Chương trình được duyệt và các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này để lập dự toán kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện dự án của Chương trình, gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp chung vào dự toán của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và phối hợp thực hiện.

2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình, kinh phí hoạt động chung phục vụ công tác quản lý của Chương trình và kinh phí hoạt động của Văn phòng Chương trình quốc gia do Văn phòng Chương trình quốc gia lập dự toán theo quy định pháp luật hiện hành gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp phương án phân bổ dự toán chi ngân sách hàng năm gửi Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định quản lý tài chính và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

## **Điều 10. Giải ngân kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các nhiệm vụ thuộc chương trình**

### **1. Đối với nhiệm vụ do Bộ, cơ quan trung ương thực hiện**

#### **a) Mở tài khoản, nhận kinh phí và kiểm soát chi**

- Đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, Văn phòng Chương trình quốc gia mở tài khoản dự toán tại Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận kinh phí chi thực hiện các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý; hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình; hoạt động chung, các dự án phục vụ công tác quản lý Chương trình và hoạt động của Văn phòng Chương trình quốc gia phục vụ công tác quản lý Chương trình. Văn phòng Chương trình quốc gia có trách nhiệm kiểm soát chi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ, hồ sơ, chứng từ chi của tổ chức chủ trì dự án; thực hiện thanh quyết toán theo quy định pháp luật hiện hành.

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng thực hiện dự án, không kiểm soát tài khoản tiền gửi của tổ chức chủ trì đề tài, dự án mở tại Kho bạc Nhà nước; không kiểm soát hồ sơ chi tiết từng khoản chi của tổ chức chủ trì dự án.

- Đối với các dự án do Bộ, ngành khác quản lý, Bộ, ngành quản lý, sử dụng và giao dự toán kinh phí thực hiện các dự án cho tổ chức, cá nhân chủ trì theo đúng quy định quản lý ngân sách nhà nước hiện hành;

- Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để tiếp nhận kinh phí thực hiện dự án. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án tự chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu của mình và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương về tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện. Đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án tự chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu của mình và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Văn phòng Chương trình quốc gia về tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí.

- Kho bạc Nhà nước kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước tại tài khoản dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

#### **b) Tạm ứng kinh phí cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình:**

##### **- Tạm ứng lần đầu:**

Khi tạm ứng kinh phí, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước rút dự toán để tạm ứng kinh phí lần đầu cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ tối đa 100% mức kinh phí phân bổ theo dự toán năm kế hoạch đã được giao, nhưng không quá 50% tổng kinh phí được duyệt từ nguồn ngân sách nhà nước theo Hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì nhiệm vụ. Hồ sơ tạm ứng lần đầu gửi Kho bạc nhà nước bao gồm: Dự toán năm được cấp có thẩm quyền giao; Giấy rút dự toán ngân sách nhà



nước (tạm ứng) theo quy định; Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ký kết giữa Bộ, cơ quan trung ương với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

- Tạm ứng các lần tiếp theo:

Trên cơ sở báo cáo tiến độ, khối lượng thực hiện và tình hình sử dụng các nguồn kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ, Bộ, cơ quan trung ương tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ, khối lượng thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí thực hiện dự án.

Việc tạm ứng kinh phí các đợt tiếp theo chỉ được thực hiện đối với nhiệm vụ đã có hồ sơ thanh toán tối thiểu 50% mức kinh phí đã tạm ứng các đợt trước đó, không vi phạm các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước liên quan đến tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ và đảm bảo tổng số dư tạm ứng không quá 50% tổng dự toán kinh phí được duyệt từ ngân sách nhà nước theo hợp đồng đã ký (trừ trường hợp mua sắm thiết bị chưa đủ thủ tục thanh toán vì lý do khách quan được Bộ, ngành xác nhận trên cơ sở đề nghị của tổ chức chủ trì nhiệm vụ). Hồ sơ tạm ứng các đợt tiếp theo gửi Kho bạc nhà nước bao gồm: Dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm; Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (tạm ứng); Hồ sơ thanh toán tạm ứng được tối thiểu 50% mức kinh phí đã tạm ứng các đợt trước đó chưa được thanh toán.

c) Thanh toán tạm ứng kinh phí:

- Khi thanh toán tạm ứng, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước gửi hồ sơ thanh toán tạm ứng cho Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, hồ sơ thanh toán tạm ứng bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng của Bộ, cơ quan trung ương; Bản xác nhận khối lượng công việc đã hoàn thành; Bảng kê kinh phí chi thanh toán cho các nội dung công việc đã hoàn thành do cơ quan chủ trì lập, đã được Bộ, cơ quan trung ương xác nhận.

- Hết thời gian thực hiện nhiệm vụ, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải thực hiện thanh toán tạm ứng tại Kho bạc Nhà nước. Trường hợp, trong thời gian 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước không thực hiện thanh toán tạm ứng với Kho bạc nhà nước thì Bộ Tài chính thực hiện thu hồi bằng cách giảm trừ vào dự toán năm sau của Bộ, cơ quan trung ương chủ quản của đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phải phù hợp với cơ cấu giữa nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước với nguồn kinh phí huy động từ ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt. Trường hợp nguồn kinh phí huy động đóng góp từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước của tổ chức chủ trì nhiệm vụ không đúng cam kết trong hợp đồng, thì phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước được giảm tương ứng với cơ cấu tỷ lệ đóng góp kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

đ) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm sử dụng kinh phí đã tạm ứng đúng mục đích, đúng chế độ. Trường hợp khoản kinh phí đã tạm ứng sử dụng sai mục đích, không đúng chế độ, Đơn vị quản lý kinh phí có trách nhiệm thu hồi hoàn trả ngân sách nhà nước.

2. Đối với nhiệm vụ của Chương trình do địa phương quản lý thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương: thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### **Điều 11. Đối với kinh phí hoạt động chung của Chương trình**

Kinh phí hoạt động chung của Chương trình được thực hiện trực tiếp tại Văn phòng Chương trình quốc gia và thực hiện theo quy định hiện hành như đối với đơn vị dự toán cấp III sử dụng ngân sách nhà nước. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát chi theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

### **Điều 12. Đối với kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển, từ nguồn Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các nguồn vốn khác**

1. Việc quản lý thanh toán kinh phí đầu tư dự án thuộc Chương trình được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các Quỹ khác (nếu có) được thực hiện theo các quy định quản lý tài chính của các Quỹ.

3. Việc giải ngân, tạm ứng và thanh toán tạm ứng các nguồn kinh phí khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về quản lý nguồn kinh phí đó.

### **Điều 13. Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản bằng nguồn ngân sách nhà nước**

Công tác mua sắm, quản lý, sử dụng và xử lý tài sản của nhiệm vụ thuộc các Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành về quản lý và sử dụng tài sản nhà nước.

### **Điều 14. Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm**

1. Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Bộ Tài chính kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tình hình thực hiện nội dung, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

2. Trong trường hợp tổ chức chủ trì nhiệm vụ sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước sai mục đích, không đúng chế độ thì xem xét dừng giải ngân kinh phí từ ngân sách nhà nước và quyết định xử lý theo các quy định pháp luật hiện hành.

## **Điều 15. Báo cáo quyết toán**

Công tác báo cáo, quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn cụ thể sau:

1. Báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình

a) Đối với các nhiệm vụ đang trong thời gian thực hiện:

Hàng năm trên cơ sở số kinh phí thực sử dụng và khối lượng công việc đã thực hiện trong năm, Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm báo cáo về tình hình nhận, sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính để theo dõi, phối hợp thực hiện

b) Đối với các nhiệm vụ kết thúc thời gian thực hiện:

- Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm thẩm định và xét duyệt quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ trì trong thời gian 06 tháng kể từ ngày nhiệm vụ kết thúc theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Đối với các nhiệm vụ của Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, Văn phòng Chương trình quốc gia có trách nhiệm xét duyệt quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày nhiệm vụ kết thúc theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và tổng hợp vào báo cáo quyết toán của Văn phòng Chương trình quốc gia gửi Bộ Khoa học và Công nghệ. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định và xét duyệt quyết toán kinh phí của Văn phòng Chương trình quốc gia, tổng hợp vào quyết toán chung của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Hồ sơ, chứng từ chi tiêu kinh phí của các nhiệm vụ thuộc Chương trình được lập, quản lý, lưu trữ tại tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo quy định.

2. Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động chung của Chương trình

a) Hàng năm, Văn phòng Chương trình quốc gia thực hiện báo cáo quyết toán gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để xét duyệt theo đúng quy định của đơn vị dự toán cấp III trực thuộc.

b) Hồ sơ, chứng từ chi tiêu kinh phí hoạt động chung của Chương trình được quản lý, lưu giữ theo đúng quy định.

3. Đối với các nhiệm vụ sử dụng kinh phí đầu tư phát triển và các nguồn kinh phí khác việc quyết toán được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành

4. Đối với các nhiệm vụ của Chương trình sử dụng kinh phí từ Quỹ đổi mới công nghệ và các Quỹ khác (nếu có) quy định tại Điều 2 Thông tư này, việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định của các quỹ.

### Chương III

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2014.

#### Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Đối với nhiệm vụ thuộc Chương trình có hiệu quả cao, tác động lớn đến kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cao hơn so với quy định tại Thông tư này do Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất, lấy ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, quyết định.

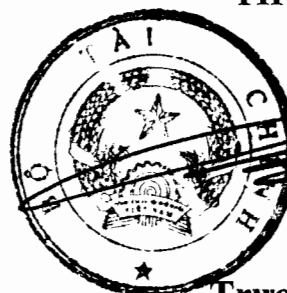
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
THỦ TRƯỞNG**



**Trần Quốc Khánh**

**KT. BỘ TRƯỞNG  
BỘ TÀI CHÍNH  
THỦ TRƯỞNG**



**Trương Chí Trung**

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các Hội, đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Sở KH&CN, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Bộ KH&CN;
- Lưu: Bộ TC (VT, Vụ HCSN); Bộ KH&CN (VT, Cục UDCN).

*(350)*